

PHỤ LỤC: CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN - 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Ea H'Leo)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Bảo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tỉnh BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
I	CHI THƯỜNG XUYÊN CẤP HUYỆN	573,916	3,523	3,523	13,260	13,260	0	0	109,895	56,277	52,636	0	982	0
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	20,269			0	0	0	0	4,638	48	4,590	0	0	0
1.1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng: giao chi tiết kinh phí để thực hiện sửa chữa các danh mục các công trình giao thông.				0				4,590		4,590			
1.2	Sự nghiệp kinh tế khác - Trạm khuyến nông (bổ sung lương)				0				48	48				
2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	387,156	3,029	3,029	0	0	0	0	80,450	42,300	38,150	0	0	0
2.1	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	380,791	3,029	3,029	0	0	0	0	77,815	42,300	35,515	0	0	0
2.1.1	Các đơn vị trường học		3,029	3,029	0	0	0	0	77,815	42,300	35,515	0	0	0
*	Điều chỉnh giảm kinh phí do giảm biên chế đã cấp cho Trường THCS Hoàng Văn Thụ và Trường THCS Lê Lợi, số tiền 400,146 trđ (tại QĐ số 1414, ngày 22/4/2024 của UBND huyện)			400	0				0					
*	Điều chỉnh tăng kinh phí cho Trường TH - THCS Nơ Trang Gưh, số tiền 143,499 trđ); Trường TH Ea Wy, số tiền 73,594 trđ (chi trả trợ cấp thôn việc cho viên chức) số còn lại bổ sung về ngân sách huyện, số tiền 183,053 trđ, từ nguồn điều chỉnh giảm ở trên		400		0				0					
*	Bổ sung kinh phí sửa chữa các đơn vị trường học				0				16,150		16,150			
*	Phòng Giáo dục - Đào tạo (QĐ số 1235, ngày 05/04/2024): Nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên				0				209		209			
*	Điều chỉnh giảm dự toán chi Trường TH Đam San, Trường THCS Lê Hồng Phong do thành lập Trường TH - THCS Đam San			2,629	0				0					
*	Bổ sung dự toán chi Trường TH - THCS Đam San, do thành lập Trường TH - THCS Đam San		2,629		0				0					
*	Bổ sung tăng MLCS theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ				0				42,300	42,300				
*	Sửa chữa nhà lớp học 6 phòng, 2 tầng, nhà đa năng, sân trường Trường TH Nguyễn Trường Tộ				0				800		800			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Báo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tính BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
*	Bổ sung chế độ chính sách GD HK II năm học 2023-2024				0				7,103		7,103			
*	Phụ cấp ưu đãi GV dạy trẻ khuyết tật HK II năm học 2023-2024				0				1,770		1,770			
*	Bổ sung chế độ chính sách GD HK I năm học 2024-2025				0				6,458		6,458			
*	Phụ cấp ưu đãi GV dạy trẻ khuyết tật HK I năm học 2024-2025; bổ sung HK I 2021-2022 (413 trđ)				0				3,025		3,025			
2.2	CHI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	1,994	0	0	0	0	0	0	1,130	0	1,130	0	0	0
2.2.1	Trung tâm chính trị huyện		0	0	0	0	0	0	1,090	0	1,090	0	0	0
*	Sửa chữa trụ sở làm việc				0				700		700			
*	Kinh phí chi trả lớp Trung cấp khóa 2022-2024				0				390		390			
2.2.2	Văn phòng Huyện ủy				0				40		40			
2.3	TRUNG TÂM GDNN-GDTX	4,371	0	0	0	0	0	0	1,505	0	1,505	0	0	0
*	Kinh phí sơn sửa các dãy nhà Trung tâm GDNN-GDTX				0				800		800			
*	Kinh phí xây 02 phòng học tạm (nhà tiền chế)				0				390		390			
*	Kinh phí các lớp 10, 11 tăng thêm (phần thiếu HK I năm học 2024-2025)				0				315		315			
3	CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	6,134	0	0	0				0		0			
4	CHI SỰ SN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (ứng dụng KHCN)	450	0	0	0				450		450			
5	CHI SN VĂN HÓA THÔNG TIN	2,171	0	0	0	0	0	0	53	53	0	0	0	0
5.1	Chi bổ sung lương cho Trung tâm VH-TT								53	53				
6	CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TH	1,945	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	CHI SN THỂ DỤC THỂ THAO	855	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	3,488	0	0	0	0	0	0	14,916	9,655	5,261	0	0	0
*	Các xã, thị trấn: Hỗ trợ tiền điện hộ hộ nghèo, hộ CSXH Quý 1				0				379		379			
*	Các xã, thị trấn: Hỗ trợ tiền điện hộ hộ nghèo, hộ CSXH Quý 2				0				360		360			
*	Các xã, thị trấn: Hỗ trợ tiền điện hộ hộ nghèo, hộ CSXH Quý 3, 4				0				759		759			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Báo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tinh BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
*	Phòng Lao động TB và XH - ND 81/2021/NĐ-CP (Học kỳ II NH 2023-2024)				0				2,504		2,504			
*	Phòng Lao động TB và XH - ND81/2021/NĐ-CP & ND 57/2017 (Học kỳ I NH 24-25)				0				8,714	7,455	1,259			
*	Chi bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP (còn thiếu)								2,200	2,200				
9	CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	43,531	314	314	0	0	0	0	7,810	4,221	2,835	0	754	0
9.1	CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	24,532	314	314	0	0	0	0	7,595	4,138	2,835	0	622	0
9.1.1	Văn phòng HĐND & UBND		0	0	0	0	0	0	208	0	0	0	208	0
*	Hỗ trợ tổ chức tọa đàm 65 năm bộ đội Trường sơn				0				10				10	
*	Kinh phí Hợp đồng số 111/2022/NĐ-CP (153 trđ); kinh phí phục vụ các hoạt động tại Trung tâm hành chính công (45,4 trđ)				0				198				198	
9.1.2	Phòng Tài chính - KH - Sửa chữa hàng rào giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch và Tòa án huyện		0	0	0	0	0	0	600		600			
9.1.3	Thanh tra huyện - Sửa chữa một số hạng mục công trình và khoan 1 giếng nước tại Trụ sở làm việc của Thanh tra huyện		0	0	0	0	0	0	350		350			
9.1.4	Phòng Nội vụ huyện		0	0	0	0	0	0	194	156	0	0	38	0
*	Bổ sung lương theo QĐ số 1826 ngày 17/05/2024				0				156	156				
*	Kinh phí đăng báo				0				14				14	
*	Kinh phí tôn giáo								24				24	
9.1.5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		0	0	0	0	0	0	1,283	0	1,080	0	203	0
*	San lấp mặt bằng 3 nhà văn hóa thôn của xã Ea Nam, Ea Hiao và Ea Sol								800		800			
*	Kinh phí đo đạc bản đồ, cắm mốc Nhà máy thủy điện nhỏ Ea H'Leo								280		280			
*	Phòng KTHT - Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu hành chính TTHC, TDTT TT Ea Drăng								194				194	
*	Phòng Kinh tế & Hạ tầng - kinh phí thuê trông coi, bảo vệ tài sản của Nhà máy thủy điện								9				9	
9.1.6	Phòng Tài nguyên & Môi trường		0	0	0	0	0	0	148	0	0	0	148	0
*	Kinh phí công bố kế hoạch sử dụng đất năm 2024								68				68	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Bảo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tỉnh BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
*	Mua máy vi tính làm việc								55				55	
*	Kinh phí tham gia hội thao ngành					0		0	25				25	
9.1.7	Phòng Tư pháp		0	0	0	0	0	0	25	0	0	0	25	0
*	Kinh phí Hội thao ngành								25				25	
9.1.8	Điều chỉnh, bổ sung kinh phí		314	314	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Điều chỉnh giảm kinh phí đã cấp cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để trang bị phần mềm kinh tế xã hội, số tiền 313,5 trđ			314	0				0					
*	Điều chỉnh tăng bổ sung kinh phí cho 11 xã và thị trấn Ea Drăng từ nguồn đã cấp cho Phòng Tài chính - KH (12xã, tt *16,5trđ/xã); cấp cho VP HĐND-UBND; Phòng Lao động; Phòng Nông nghiệp; Phòng VH TT; Phòng TN-MT; Phòng Giáo dục; Phòng KTHT (mỗi đơn vị 16,5 trđ), tổng số tiền 313,5 trđ		314		0				0					
9.1.9	Phân khai lắp đặt màn hình LED (Huyện ủy, Nhà Văn Hóa, VP HĐND & UBND)				0				805		805			
9.1.10	Chi tăng MLCS theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP các cơ quan, đơn vị				0				3,982	3,982				
9.2	CHI KHỐI ĐẢNG	12,454	0	0	0	0	0	0	187	83	0	0	104	0
9.2.1	Văn phòng Huyện ủy		0	0	0	0	0	0	104	0	0	0	104	0
*	KP phóng điều				0				30				30	
*	Kinh phí tuyên truyền Báo Đắk Lắk, kinh phí lắp đặt đường truyền số liệu				0				74				74	
9.2.2	Ban dân vận Huyện ủy - bổ sung lương cho đội Công tác 253				0				83	83				
9.3	CHI CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ	5,844	0	0	0	0	0	0	15	0	0	0	15	0
9.3.1	Ủy ban Mặt trận TQVN - kinh phí mua máy vi tính		0	0	0	0	0	0	15				15	
9.4	CHI CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI, CÁC HỘI ĐẶC THÙ	701	0	0	0	0	0	0	13	0	0	0	13	0
9.4.1	Hội người cao tuổi - Đại hội thành lập Hội người cao tuổi		0	0	0	0	0	0	13				13	
10	AN NINH - QUỐC PHÒNG ĐỊA PHƯƠNG	4,576	180	180	0	0	0	0	1,460	0	1,350	0	110	0
*	Điều chỉnh giảm kinh phí đã cấp cho Công an huyện để mua sắm 12 máy tính cho công an xã thực hiện Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 28/3/2023 của tỉnh, số tiền 12 xã, tt * 15 trđ/máy			180	0				0					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Báo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tỉnh BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
*	Điều chỉnh tăng kinh phí cho 11 xã và thị trấn Ea Drăng từ nguồn đã cấp cho Công an huyện để mua sắm 12 máy tính cho công an xã thực hiện Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 28/3/2023 của tỉnh, số tiền 12 xã, tt * 15 trđ/máy		180		0				0					
*	Phân khai nguồn làm nhà tiền chế cho Công an huyện (làm 9 nhà *150 trđ, cho 9 xã)				0				1,350		1,350			
*	Kinh phí thực hiện đề án 06 và tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy - Công an huyện				0				110				110	
11	CHI KHÁC NGÂN SÁCH (đơn vị khác)	2,484	0	0	0	0	0	0	118	0	0	0	118	0
*	Chi cục Thuế KV Ea H’Leo-Krông Búk - cấp tiền tết 2024								19				19	
*	Bảo hiểm xã hội huyện Ea H’Leo - cấp tiền tết 2024								7				7	
*	Kho bạc Nhà nước Ea H’Leo - cấp tiền tết 2024								6				6	
*	Viên Kiểm sát nhân dân Ea H'Leo - cấp tiền tết 2024								8				8	
*	Chi Cục Thi hành án dân sự Ea H'Leo - cấp tiền tết 2024								7				7	
*	Hạt kiểm lâm Ea H’Leo-Krông Búk - cấp tiền tết 2024								9				9	
*	Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo - cấp tiền tết 2024 và Hoạt động của Hội thẩm nhân dân								35				35	
*	Liên đoàn Lao động huyện - cấp tiền tết 2024								2				2	
*	Chi Cục Thống kê KV huyện - kinh phí biên soạn niên giám thống kê								25				25	
12	CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC (nguồn ngân sách tỉnh bổ sung)	93,868	0	0	13,260	13,260	0	0	0	0	0	0	0	0
12.1	Bổ sung dự toán đầu năm				0				0					
12.2	Bổ sung ngoài dự toán đầu năm 2024	0	0	0	13,260	13,260	0	0	0	0	0	0	0	0
12.2.1	Bổ sung cho các cơ quan đơn vị; UBND các xã, thị trấn - CTMTQG	0	0	0	13,260	13,260	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Chương trình MTQG Nông thôn mới (KP sự nghiệp) - QĐ 2878b/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh				670	670			0					
*	Chương trình MTQG Nông thôn mới (KP sự nghiệp) - QĐ 2879b/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh				12,590	12,590			0					
13	CHI TẠO NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG				0				0					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Báo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tính BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
14	CÁC NHIỆM VỤ PHÂN BỐ SAU (đã phân khai kinh phí mua màn hình Led 805 trđ cho các cq, đơn vị; kinh phí theo NQ 12 hệ thống điện chiếu sáng cho UBND các xã 1.335 tr đ).	6,990	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN	99,298	0	0	0	0	0	0	9,524	7,434	1,773	0	317	0
1	Các xã - Hỗ trợ đất trồng lúa theo ND 35 của Chính phủ (QĐ 1843, ngày 21/5/2024)				0				438		438			
2	Xã Ea Nam -Bồi thường nhà nước do xây dựng HT thôn 2				0				44				44	
3	UBND xã Cư A Mung - Tổ chức lễ thanh minh				0				35				35	
4	Hỗ trợ kinh phí thực hiện gia hạn dịch vụ truyền số liệu chuyên dùng cấp 2 cho các xã, thị trấn				0				238				238	
5	Phân khai kinh phí hệ thống điện chiếu sáng theo NQ 12 (04 xã EaSol, EaH'Leo, EaRal, Dliêyang)				0				1,335		1,335			
6	Chi tăng MLCS và các chế độ, chính sách do NQ HĐND tỉnh ban hành cho UBND các xã, TT				0				7,322	7,322				
7	Chi trợ cấp công an xã theo ND 73/2009 (xã EaRal, EaWy)								112	112				
III	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	57,070	0	0	0	0	0	0	5,666	0	0	0	0	5,666
1	Lập điều chỉnh quy hoạch SD đất đến năm 2030				0				1,700					1,700
2	Chi đầu tư xây dựng cổng tường rào trụ sở HĐND&UBND xã Ea Wy				0				1,000					1,000
3	Chi đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, kho tổng hợp cho Công an huyện				0				796					796
4	Quỹ phát triển Nhà đất của tỉnh - Chuyển trả nợ tiền đất từ 2017 trở về trước cho Quỹ Phát triển nhà - đất tỉnh				0				2,170					2,170
IV	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	12,843	0	0	0	0	0	0	12,843	0	0	12,843	0	0
1	Phòng Tư pháp - Kinh phí phục vụ Số hóa sổ hộ tịch theo ĐA 06 (BS tại QĐ 1006/QĐ-UBND ngày 28/03/2023)								5			5		
2	UBND các xã, thị trấn - Kinh phí phục vụ Số hóa sổ hộ tịch theo ĐA 06 (BS tại QĐ 1006/QĐ-UBND ngày 28/03/2023)								488			488		
3	Ban chỉ huy quân sự huyện Ea H'Leo - Hội thao bắn súng quân dụng								150			150		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Điều chỉnh dự toán năm 2024		Số chi phát sinh 6 tháng cuối năm 2024			Báo cáo sử dụng các nguồn trong dự toán năm 2024						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
						NS tính BS	Chuyển nguồn	Kết dư NS		Cải cách tiền lương	Giao chi tiết DT đầu năm chưa phân bổ	Dự phòng	Chi khác	Sử dụng đất
4	Trạm Chăn nuôi và thú y - Kinh phí tiền công tiêu độc khử trùng đợt 1.2024 (TT 01/TT-TTY, ngày 18/3/2024)								70			70		
5	Kinh phí xây dựng 86 căn nhà - Công an huyện								860			860		
6	Kinh phí ủy thác qua NHCS XH đợt 2								1,000			1,000		
7	Kinh phí cưỡng chế 7000m2 (tạm ứng)- Phòng Tài nguyên MT								250			250		
8	Kinh phí dịch tả lợn châu phi - UBND xã EaTir								20			20		
9	Kinh phí lễ ra mắt tổ BV an ninh - Công an huyện								50			50		
10	Cấp cho VP Huyện ủy kinh phí Đại hội Đảng (đợt 1)								499			499		
11	Kinh phí khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2025 - Cấp cho VP HĐND & UBND								181			181		
12	Kinh phí khen thưởng năm 2024 (phần còn thiếu) - Phòng Nội vụ								1,799			1,799		
13	Chi trả nợ Quỹ đất tỉnh tiền sử dụng đất còn nợ từ năm 2017 trở về trước								2,003			2,003		
14	Kinh phí thuê đo đạc và trích lục bản đồ của 74 thửa để phục vụ cho giao đất, giao rừng độc Quốc lộ 14 xã EaNam - UBND xã EaNam								497			497		
15	Kinh phí bảo đảm cho công tác tuyển quân - Ban chỉ huy quân sự								75			75		
16	Kinh phí tuyển chọn, tập luyện tham gia diễu binh, diễu hành kỷ niệm 50 năm ngày Chiến thắng BMT								80			80		
17	Hỗ trợ cho công an huyện triển khai trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh trước, trong và sau tết; Hỗ trợ cho cảnh sát cơ động tỉnh tham gia bảo vệ tại EaNam								140			140		
18	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ khác								4,676			4,676		
TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II + III + IV)		743,127	3,523	3,523	13,260	13,260	0	0	137,928	63,711	54,409	12,843	1,299	5,666